

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đăng Đán và ông Nguyễn Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Nguyễn Thị Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1984; Có mặt

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987; Có mặt

Cùng HKTT: Thôn X, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Th là người cùng quê ngày 09/3/2015 tại UBND xã S. Trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau một thời gian. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau và thuê nhà ở Hà Nội để sinh sống, làm việc. Tình cảm vợ chồng lúc ban đầu bình thường, tháng 6/2019 phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn cao điểm từ tháng 9/2020. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách ứng xử trong cuộc sống nên thường gây ức chế lẫn nhau. Khi vợ chồng mâu thuẫn bố mẹ hai bên không khuyên can điều gì. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Hiện anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn chị Th.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/10/2016 hiện đang ở với anh, do anh nuôi dưỡng từ nhỏ và Nguyễn Minh A, sinh ngày 12/8/2019 lúc đầu ở với chị Th nhưng từ ngày 12/8/2021 chị Th mang cháu sang cho anh nuôi. Các cháu khỏe mạnh. Ly hôn, anh đề nghị tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Anh làm kinh

doanh. Thu nhập trung bình khoảng 7 - 8 triệu/ tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên anh không đề nghị tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn D ngày 09/3/2015. Trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau và được UBND xã S cho đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 9/2019 do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong làm ăn kinh tế. Khi vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình có can thiệp nhưng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 (là thời điểm sau khi chị sinh cháu Minh A ít ngày) đến nay. Khi ly thân, chị ở nhà bố mẹ đẻ còn anh D ở đâu chị không biết. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh D xin ly hôn chị không đồng ý. Chị chỉ đồng ý ly hôn khi chị và anh D thống nhất, thỏa thuận được về số tiền vốn vợ chồng cùng bỏ ra để kinh doanh là 500 triệu đồng.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/10/2016 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 12/8/2019, cháu lớn ở với anh D từ khi vợ chồng ly thân, cháu nhỏ ở với chị, nhưng từ ngày 12/8/2021, chị đã mang cháu sang giao bên nội nhờ anh D và ông bà nội chăm sóc cháu để chị đi làm. Các cháu khỏe mạnh. Tại các buổi làm việc, chị có nguyện vọng để anh D nuôi cả 02 con. Tại phiên tòa chị xin nuôi cháu Minh A. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Hai bên cùng có quyền đi lại thăm con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung: Ngày 29/7/2021 chị đề nghị tòa án chia số tiền 500 triệu đồng là tiền vốn của hai vợ chồng khi mở xưởng in cốc nhưng chị không giao nộp được tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền vốn đó. Ngày 30/7/2019, chị xin rút yêu cầu chia tài sản. Tại phiên tòa chị tiếp tục đề nghị tòa án xem xét số tiền 500 triệu đồng mà không có chứng cứ giao nộp. Nợ chung không có nên chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa HĐXX đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

- Con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/10/2016 cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung là cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 12/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D và chị Th cùng có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra giải quyết
- Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.
- Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Th cùng có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Th kết hôn ngày 09/3/2015, được UBND xã S cho đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Anh D và chị Th cùng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân, hiện tình cảm không còn. Chị Th không đồng ý ly hôn không phải vì vợ chồng còn yêu thương, tôn trọng nhau, muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại buổi hòa giải ngày 10/9/2021, chị xác định không đồng ý ly hôn vì hai vợ chồng không thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung là cháu Minh Anh. Tại phiên tòa chị không đồng ý ly hôn vì giữa chị và anh D không thỏa thuận thống nhất được số tiền 500 triệu đồng chị xác định là số vốn vợ chồng cùng bỏ ra mở xưởng in cốc. Chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh D trả chị 200 triệu đồng trong tổng số 500 triệu đồng vốn.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bố, mẹ anh D, chị Th xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Gia đình hai bên có khuyên can để anh D, chị Th hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả.

Như vậy, xác định anh D và chị Th có mâu thuẫn, đã sống ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh

D và chị Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh D được ly hôn chị Th là phù hợp.

Con chung: Anh D, chị Th có 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/10/2016 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 12/8/2019. Trước ngày 12/8/2021 anh D nuôi cháu Minh T, chị Th nuôi cháu Minh A. Từ ngày 12/8/2021, anh D nuôi cả 02 con. Tại các buổi làm việc, anh D, chị Th không thống nhất được việc nuôi con chung. Anh D đề nghị HĐXX xem xét việc nuôi con, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Chị Th trình bày chị không có nơi ăn ở ổn định mà hiện ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, chị không có việc làm, không có thu nhập. Qua lấy lời khai của mẹ đẻ chị Th xác định chị Th không công có việc làm, không có thu nhập. Tại phiên tòa, HĐXX đã khuyên nhủ và chị Th đồng ý nuôi cháu Minh A. Xét thấy, anh D, chị Th có 02 con chung, hiện anh D đang nuôi cháu Minh T, cháu Minh A còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 điều 81 luật hôn nhân và gia đình quy định “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi”. Nên cần giao cháu Minh T cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao cháu Minh A cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do anh D và chị Th mỗi người nuôi 01 con nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra đối với hai bên. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung: Anh D xác định vợ chồng không có tài sản chung. Chị Th xác định vợ chồng có tài sản chung là số tiền 500 triệu đồng đã bỏ ra để làm vốn mở xưởng in cốc. Ngày 29/7/2021, chị Th yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là số tiền 500 triệu đồng đó. Tòa án đã giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền 500 triệu đồng nêu trên cho chị Th và anh D. Ngày 30/7/2021, chị Th rút yêu cầu chia tài sản và không nộp tiền tạm ứng án phí vì không có chứng cứ giao nộp cho Tòa án chứng minh có tài sản chung là số tiền 500 triệu đồng. Tại phiên tòa, chị Th đề nghị HĐXX xem xét chia khoản tiền 500 triệu đồng chị xác định là tài sản chung nhưng chị chỉ có lời trình bày mà không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Nợ chung: các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 248, 249, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D. Anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

Con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/10/2016 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 12/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, anh D, chị Th không phải đóng góp cho nhau.

Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

2. Án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002053 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- UBND xã S, huyện G
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

